

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội  
huyện Quảng Xương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-UBND ngày 23/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề cương lập Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quảng Xương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương tại Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 28/9/2016 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quảng Xương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; trên cơ sở Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định và hồ sơ quy hoạch kèm theo,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quảng Xương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chính như sau:

### I. Quan điểm phát triển

- Phát triển kinh tế - xã hội huyện Quảng Xương đặt trong tổng thể phát triển chung của tỉnh Thanh Hóa. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển huyện với sự phát triển trong khu vực, nhất là thành phố Thanh Hóa, KKT Nghi Sơn, thị xã Sầm Sơn, các khu du lịch lớn trong tỉnh và vùng Bắc Trung Bộ... Nắm bắt các cơ hội phát triển mới trong khu vực để thu hút đầu tư bên ngoài tạo sự bứt phá về tăng trưởng, đồng thời tạo động lực mạnh thúc đẩy kinh tế - xã hội huyện.

- Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư, khai thác tiềm năng lợi thế của từng vùng, đặc biệt là khu vực ven biển để phát triển các ngành kinh tế biển hiệu quả và bền vững. Chú trọng phát triển thương mại và du lịch, công nghiệp và TTCN có trọng tâm, trọng điểm.

- Xây dựng các đô thị đã được quy hoạch, nhất là mở rộng thị trấn Quảng Xương với chức năng là trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật của huyện; đồng thời nâng cấp và phát triển đô thị vệ tinh trở thành hạt nhân kinh tế thúc đẩy và lan tỏa tại các vùng trong huyện.

- Coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực cho KKT Nghi Sơn, thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, Khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng. Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học - công nghệ (đặc biệt trong ngành nông nghiệp, công nghiệp) xem đây là khâu then chốt để nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm hàng hóa.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.

- Huy động nguồn lực tập trung phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện; ưu tiên phát triển giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng nước sạch, hạ tầng cụm công nghiệp, hạ tầng thương mại và du lịch.

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trong khu vực.

## **II. Mục tiêu phát triển**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững kinh tế - xã hội, môi trường để huyện Quảng Xương thực sự trở thành huyện có kinh tế phát triển năng động, thuộc nhóm huyện khá của tỉnh Thanh Hóa. Duy trì tốc độ tăng trưởng cao, tạo sự chuyển biến mạnh về chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đến năm 2025 Quảng Xương có cơ cấu kinh tế hiện đại, trong đó ngành dịch vụ du lịch đóng vai trò nòng cốt. Tăng cường đầu tư phát triển hệ thống đô thị, từng bước hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đô thị và nông thôn; gắn phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng sống của nhân dân; tập trung xây dựng nông thôn mới; phát triển y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân; phát triển nguồn nhân lực, bảo tồn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng củng cố quốc phòng- an ninh vững chắc.

### **2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2016 - 2025**

#### *a) Về kinh tế*

- Tốc độ tăng GTSX bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 15,7%/năm, giai đoạn 2021 - 2025 đạt 15%/năm.

- Cơ cấu giá trị sản xuất đến năm 2020: Nông, lâm, thủy sản 23,0%; công nghiệp - xây dựng 35%; dịch vụ 42,0%; đến năm 2025 tương ứng là 18,0%; 37,0%; 45,0%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 48 triệu đồng; năm 2025 đạt 92 triệu đồng.

- Tổng giá trị xuất khẩu năm 2020 đạt 24 triệu USD; năm 2025 đạt 35 triệu USD.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 đạt 10.500 tỷ đồng, giai đoạn 2021 - 2025 đạt 16.500 tỷ đồng.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 đạt 80%; năm 2025 đạt 100%.

- Tỷ lệ đô thị hóa năm 2020 đạt 27%; năm 2025 đạt 40%.

- Tỷ lệ đường giao thông nông thôn cứng hóa năm 2020 đạt 100%.

#### *b) Về văn hóa - xã hội*

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 0,6%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 0,57%/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,5 - 2%/năm thời kỳ 2016 - 2025 (theo chuẩn nghèo từng giai đoạn).

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 đạt 85%; năm 2025 đạt 100%.

- Mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 4.500 - 5.000 lao động.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt 70%; năm 2025 đạt trên 90%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động năm 2020 đạt 30%, năm 2025 đạt 25%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng năm 2020 giảm xuống 10,5%; năm 2020 dưới 7,0%.

- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế đến năm 2020 đạt 90%; năm 2025 đạt 100%.

#### *c) Về bảo vệ môi trường*

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 2,5%; năm 2025 đạt 3,0%.

- Tỷ lệ dân số thành thị được dùng nước sạch năm 2020 đạt 95%; năm 2025 đạt 100%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2020 đạt 98%; năm 2025 đạt 100%.

- Đến năm 2020, tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường đạt 80%; đến năm 2025 đạt 97%.

#### *d) Về quốc phòng an ninh*

- Bảo đảm quốc phòng an ninh và ổn định chính trị trên địa bàn; đến năm 2020, tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự đạt 70% trở lên; năm 2025 đạt trên 95%.

### **3. Mục tiêu đến năm 2030**

- Tốc độ tăng GTSX bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 13,5%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2030 đạt 130 triệu đồng.

- Cơ cấu GTSX: Nông, lâm, thủy sản 14%; công nghiệp - xây dựng 38%;

dịch vụ 48%.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030 đạt 20.000 tỷ đồng.
- Tỷ lệ qua đào tạo năm 2030 đạt 98%.
- Tỷ lệ đô thị hóa năm 2030 đạt trên 45%.

### **III. Trọng điểm phát triển**

#### **1. Khâu đột phá**

##### *a) Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới*

- Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, chú trọng đến phát triển nông nghiệp công nghệ cao và tham gia sâu vào chuỗi giá trị gắn với thị trường thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, Khu kinh tế Nghi Sơn.

- Phát triển trồng trọt theo hướng quy mô lớn gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại tập trung, an toàn, bền vững; giảm dần sản lượng khai thác ven bờ, đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ; nâng cao tỷ trọng chế biến các mặt hàng có giá trị cao, đa dạng hóa các sản phẩm chế biến.

*b) Phát triển không gian, xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng hiện đại và phát triển đô thị*

- *Đột phá phát triển không gian trọng điểm:* Xây dựng mở rộng thị trấn Quảng Xương, đô thị Bắc Ghép, đô thị Quảng Lợi (Tiên Trang), đô thị Công Trục và kết nối các đô thị này với các khu dịch vụ du lịch, khu dịch vụ tổng hợp. Tập trung quy hoạch các khu - điểm du lịch trọng điểm; xây dựng chương trình phát triển du lịch, xác định các sản phẩm du lịch đặc trưng có thể mạnh để tập trung nguồn lực đầu tư, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện.

- *Đột phá xây dựng kết cấu hạ tầng trọng điểm:* Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông (đường ven biển; nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông kết nối giữa Quốc lộ 1A, Quốc lộ 10, đường ven biển, khu vực vùng đồng với Quốc lộ 1A và các tuyến đường trong và ngoài đô thị), hệ thống bến xe, điểm đỗ xe; ưu tiên xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng thương mại, du lịch, tạo tiền đề cho chương trình kinh tế - xã hội trọng tâm về phát triển kinh tế dịch vụ - du lịch. Tập trung nâng cấp hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước đô thị, khu xử lý rác thải môi trường đặc biệt khu vực ven biển và công trình thủy lợi chính.

*c) Tăng cường quản lý nhà nước và thực hiện sâu rộng cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành, thu hút đầu tư*

Tập trung thực hiện chính sách về đất đai, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; thu hút đầu tư phát triển du lịch, thương mại, sản phẩm nông sản, công nghiệp chủ lực. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính. Thành lập Ban chỉ đạo điều hành thực hiện quy hoạch với lộ trình, kế hoạch rõ ràng và tập trung vào các khâu, dự án trọng điểm.

#### **2. Phát triển lãnh thổ trọng điểm**

- Ổn định và phát triển nông nghiệp, nông thôn nhất là khu vực vùng đồng

(vùng 1) và một số vùng khó khăn; phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn, nông nghiệp sạch. Phát triển làng nghề để giảm nghèo bền vững kết hợp với xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung phát triển hai khu vực kinh tế động lực là khu ven biển (các khu đô thị ven biển, khu du lịch, cụm công nghiệp), khu dọc quốc lộ 1A (mở rộng thị trấn Quảng Xương, phát triển đô thị Bắc Ghép, Cống Trúc) nhằm thúc đẩy nhanh kinh tế - xã hội của huyện.

#### **IV. Quy hoạch phát triển các ngành và lĩnh vực đến năm 2025**

##### **1. Phát triển các ngành kinh tế**

###### **1.1. Nông, lâm, thủy sản**

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất sản phẩm sạch, áp dụng công nghệ cao; đẩy mạnh tích tụ ruộng đất, hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn. Phân đầu tốc độ tăng GTSX ngành nông, lâm, thủy sản bình quân giai đoạn 2016 - 2025 khoảng 3,2%/năm, trong đó giai đoạn 2016 - 2020 đạt 3,5%/năm, giai đoạn 2021 - 2025 đạt 3,0%/năm.

- *Trồng trọt*: Ổn định diện tích lúa khoảng 7.000 ha, phát triển lúa chất lượng cao, đến năm 2025 chiếm khoảng 90% tổng diện tích lúa. Ổn định diện tích ngô khoảng 900 - 1.000 ha, năng suất đạt 5,5 - 6,0 tấn/ha; diện tích trồng cỏ đến năm 2025 khoảng 1.100 ha. Mở rộng và hình thành vùng sản xuất rau an toàn chất lượng cao; đến năm 2025, diện tích vùng sản xuất rau khoảng 1.000 ha, sản lượng đạt khoảng 140.000 tấn (diện tích sản xuất rau an toàn có khoảng 200 ha với sản lượng khoảng 2.800 tấn). Xây dựng một số mô hình hoa cây cảnh để cung cấp cho thị trường thành phố Thanh Hóa và thị xã Sầm Sơn với diện tích khoảng 15ha.

- *Chăn nuôi*: Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa; đến năm 2025, tỷ trọng chăn nuôi khoảng 55 - 60% trong ngành nông nghiệp. Tập trung chăn nuôi trang trại với quy mô công nghiệp kết hợp với quy mô vừa và nhỏ tại các hộ gia đình. Đến năm 2025, đàn trâu đạt 600 con; đàn bò đạt 12.500 con, phát triển đàn bò theo hướng bò thịt chất lượng cao; đàn lợn khoảng 150 nghìn con; đàn gia cầm 1.300 nghìn con, ưu tiên phát triển một số gia cầm đặc sản (gà ri, gà mía, vịt cỏ...). Sản lượng thịt hơi các loại đạt khoảng 30.000 nghìn tấn vào năm 2025.

- *Lâm nghiệp*: Tiếp tục thực hiện đầu tư và quản lý bảo vệ rừng. Phối hợp với các xã ven biển có rừng phòng hộ để có phương án trồng và bảo vệ chăm sóc. Kết hợp với Hạt kiểm lâm ven biển làm tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

- *Thủy sản*: Phát triển toàn diện cả về nuôi trồng, đánh bắt, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá, nâng cao chất lượng hiệu quả sản xuất, đưa ngành thủy sản trở thành một ngành sản xuất hàng hoá lớn.

+ *Về khai thác*: Giảm phương tiện khai thác gần bờ, phát triển nhanh lực lượng khai thác xa bờ; ưu tiên đầu tư các đội tàu lớn, công suất từ 90 CV trở lên. Phân đầu đến năm 2020, sản lượng khai thác hải sản đạt 21.000 tấn và năm 2025 đạt 23.000 tấn, trong đó sản lượng khai thác xa bờ chiếm hơn 80%. Nâng cấp mở rộng bến cá Quảng Nham có thể tiếp nhận tàu đến 1.000 - 2.000 DWT; xây dựng hoàn chỉnh khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền.

+ *Về nuôi trồng*: Phát triển nuôi trồng thủy sản phải theo hướng thâm canh, tận dụng tối đa khả năng mặt nước hiện có; ưu tiên phát triển các đối tượng nuôi xuất khẩu và các đặc sản có giá trị cao phục vụ du lịch như: tôm chân trắng, tôm sú, ngao Bến Tre, cá rô phi xuất khẩu... Đến năm 2020, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 1.050 ha, sản lượng khoảng 5,7 nghìn tấn; đến năm 2025 diện tích nuôi trồng đạt 1.150 ha, với sản lượng khoảng 6,50 nghìn tấn.

## 1.2. Công nghiệp - xây dựng

Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm; các sản phẩm dệt may (trừ sản xuất phụ liệu, nhuộm). Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với khôi phục các làng nghề truyền thống. Phân đấu tốc độ tăng GTSX bình quân giai đoạn 2016 - 2025 đạt 16,9%; trong đó, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 18,5%, giai đoạn 2021 - 2025 đạt 15,4%.

- *Công nghiệp chế biến*: Phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, chế biến nông sản nhằm phục vụ nhu cầu trên địa bàn tỉnh (đặc biệt là thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn và KKT Nghi Sơn). Cải tạo nâng cấp các cơ sở chế biến hiện có, xây dựng một số cơ sở chế biến hiện đại trong cụm công nghiệp Nham Thạch nhằm tạo ra các sản phẩm thủy, hải sản có giá trị cao.

- *Công nghiệp đóng và sửa chữa tàu thuyền*: Phát triển mạnh công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu thuyền khu vực xã Quảng Nham, Quảng Thạch nhằm phục vụ nghề khai thác đánh bắt hải sản. Trước mắt nâng cấp các cơ sở hiện có, sau đó mở thêm 1 đến 2 cơ sở sửa chữa và đóng mới đáp ứng nhu cầu đánh bắt xa bờ và tàu phục vụ du lịch.

- *Công nghiệp dệt may, da giày*: Tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực dệt may trong cụm công nghiệp Tiên Trang và một số cụm công nghiệp làng nghề khu vực vùng Đông (Quảng Hợp), giày da khu vực xã Quảng Phong trên cơ sở tiếp cận công nghệ mới, nâng cao chất lượng, tăng cường đào tạo nghề.

- *Công nghiệp cơ khí sửa chữa nhỏ*: Tiếp tục phát triển sửa chữa cơ khí, điện máy, phục vụ nông nghiệp như máy động lực, máy phục vụ sản xuất, thu hoạch nông nghiệp và phục vụ vận tải dọc các quốc lộ, tỉnh lộ trên địa bàn huyện.

- *Phát triển tiểu thủ công nghiệp - làng nghề*: Phát triển mạnh tiểu thủ công nghiệp gắn với phục hồi và phát triển các nghề truyền thống, đặc biệt là nghề sản xuất chiếu cói, nghề làm mắm... Mở rộng thêm một số ngành nghề mới như: nghề sản xuất tăm hương, thêu ren, đính cườm. Xây dựng thương hiệu chiếu Nga Khê (Quảng Khê), rượu Làng Bưởi (Quảng Giao), nước mắm Cự Nham (Quảng Nham)...

- *Phát triển cụm công nghiệp*: xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng 02 cụm công nghiệp Nham Thạch (50ha) và Tiên Trang (38ha) thuộc khu vực Bắc cầu Ghép, nghiên cứu quy hoạch phát triển cụm công nghiệp Yên Trạch giáp phía tây thành phố Thanh Hóa.

- *Xây dựng*: Đẩy mạnh các hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển các doanh nghiệp xây dựng mạnh đủ năng lực tham gia thực hiện các công trình trên

địa bàn huyện. Triển khai thực hiện các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã được phê duyệt đặc biệt là 3 quy hoạch đô thị lớn là mở rộng thị trấn Quảng Xương, khu đô thị Tiên Trang, khu đô thị Bắc Ghép.

### 1.3. Các ngành dịch vụ

Thu hút đầu tư phát triển và đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm dịch vụ; ưu tiên phát triển dịch vụ chất lượng cao, mũi nhọn: Du lịch, thương mại, vận tải, tài chính ngân hàng. Phần đầu đến năm 2025, ngành dịch vụ sẽ trở thành ngành đóng góp lớn trong cơ cấu kinh tế của huyện. Phần đầu tốc độ tăng GTSX dịch vụ bình quân thời kỳ 2016 - 2025 khoảng 18,5%/năm, trong đó giai đoạn 2016-2020 khoảng 19,5%/năm, giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 17,5%/năm.

- *Thương mại*: Đầu tư xây dựng đồng bộ và hiện đại hệ thống trung tâm thương mại, chợ, cửa hàng; thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cơ sở kinh doanh, trung tâm thương mại, siêu thị, văn phòng giao dịch, khách sạn, nhà hàng tại thị trấn Quảng Xương và các khu đô thị được quy hoạch xây dựng phát triển. Đẩy mạnh triển khai các loại hình giao dịch điện tử; tiếp tục phát triển các mạng lưới bán buôn, bán lẻ cung ứng vật tư sản xuất hàng hóa thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân; phần đầu tổng mức bán lẻ hàng hóa trên địa bàn huyện đến năm 2020 là 7.800 tỷ đồng; đến năm 2025 là 11.200 tỷ đồng.

- *Du lịch*: Ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch chất lượng cao như: du lịch biển chất lượng cao, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa tham quan các di tích, danh thắng. Xây dựng và hình thành Khu Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng biển từ bình dân đến cao cấp, tổ chức sự kiện tại các khu có bãi biển đẹp, thuận lợi về giao thông như khu vực các xã Quảng Hải, Quảng Lưu, Quảng Lợi, Quảng Thái; Du lịch văn hóa cộng đồng tại các khu vực các làng nghề, làng chài vùng ven biển xã Quảng Nharn; Du lịch nghỉ dưỡng tắm khoáng nóng, tắm bùn (xã Quảng Yên). Liên kết với các địa phương lân cận mở các tuyến du lịch nối Quảng Xương với thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn và các điểm du lịch khác trong tỉnh. Phần đầu đến năm 2020 đón khoảng 500 nghìn khách du lịch và năm 2025 khoảng 1,3 triệu lượt khách. Tổng thu từ du lịch ước đạt 600 tỷ năm 2020 và 1.650 tỷ vào năm 2025.

- *Tài chính, ngân hàng*: Phát triển các dịch vụ tín dụng, ngân hàng; nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng trên địa bàn nhằm thu hút nguồn vốn nhân rỗi trong dân và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn.

- *Vận tải*: Phát triển đa dạng các loại dịch vụ vận tải song song với phát triển hiện đại hóa đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông trong địa bàn huyện. Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, đặc biệt là vận tải hành khách giữa huyện với các địa phương lân cận, tạo mạng lưới vận tải thuận lợi cho phát triển du lịch.

- *Thông tin - truyền thông*: Phát triển mạnh dịch vụ thông tin và truyền thông, cung cấp các dịch vụ thông tin, truyền thông chất lượng cao như truyền hình vệ tinh, truyền hình kỹ thuật số, internet cáp quang tốc độ cao đáp ứng nhu cầu thông tin - liên lạc, các hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động du lịch.

## **2. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội**

### **2.1. Giáo dục - Đào tạo**

Củng cố mạng lưới trường học ở các ngành học, bậc học phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đẩy mạnh xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia là 85%, đến năm 2025 đạt 100%. Tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của các cơ sở đào tạo, dạy nghề trên địa bàn; đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa các loại hình đào tạo dạy nghề, mở rộng quy mô và hình thức đào tạo phù hợp với các ngành nghề phù hợp với nhu cầu của địa phương.

### **2.2. Y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân**

Từng bước nâng cao chất lượng các hoạt động khám chữa bệnh và đẩy mạnh công tác y tế dự phòng tại cơ sở; chủ động phòng chống và phát hiện các dịch bệnh; triển khai có hiệu quả các chương trình quốc gia về y tế. Phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 10,5% vào năm 2020, và dưới 7,0% vào năm 2025. Tiếp tục củng cố và phát triển mạng lưới y tế từ bệnh viện đa khoa huyện đến trung tâm y tế các xã, thị trấn về mọi mặt: cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực,... Đến năm 2020, tỷ lệ các xã, thị trấn đạt quốc gia về y tế là 90% và đạt 100% vào năm 2025.

### **2.3. Văn hoá - thông tin - thể dục thể thao**

Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương; góp phần phát triển du lịch, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho TDTT, xây dựng nâng cấp các sân vận động, thể dục thể thao ở các xã; đẩy mạnh phong trào luyện tập TDTD; đến năm 2025, tỷ lệ người dân tập TDTT thường xuyên đạt 50%, tỷ lệ số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao đạt 40%; tỷ lệ số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa là 85%.

### **2.4. Khoa học - công nghệ**

Đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao công nghệ, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; khuyến khích doanh nghiệp áp dụng tiến bộ công nghệ, công nghệ sạch; đổi mới công nghệ theo hướng công nghiệp hiện đại, nông nghiệp công nghệ cao, tạo sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, có giá trị xuất khẩu.

### **2.5. Các công tác xã hội khác**

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với những người có công và bảo trợ xã hội; mở rộng phạm vi, đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Đến năm 2020, số người tham gia Bảo hiểm xã hội đạt 70%; số người tham gia bảo hiểm Y tế đạt 80%, năm 2025 nâng tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội đạt khoảng 80%, và bảo hiểm y tế đạt 90%.

## **3. Phát triển kết cấu hạ tầng**

### **3.1. Hạ tầng giao thông**

- *Quốc lộ, tỉnh lộ*: Tiếp tục nâng cấp, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường Quốc lộ, Tỉnh lộ qua huyện như: Quốc lộ 1A, Quốc lộ 45, Quốc lộ 10, Tỉnh lộ 511, Tỉnh lộ 504, đường Voi - Sầm Sơn; thực hiện đầu tư tuyến đường ven biển.



- *Các tuyến huyện:* Nâng cấp và đưa vào cấp kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tối thiểu theo tiêu chuẩn TCVN 4054 - 2005, tiêu chuẩn đường đô thị TCXDVN 104 - 2007:

- Đường Quảng Lĩnh (QL1A) - Quảng Trường - Quảng Vọng dài 10.5 km: nâng cấp lên đạt đường cấp VI.

- Đường 4B dài 12,9 km; đường Quảng Ngọc - Quảng Trường - Quảng Khê dài 6,2 km; đường Ninh - Nhân - Hải dài 6,3 km hoàn thiện nâng cấp lên đạt đường cấp V.

- Đường 4C dài 11,2 km; đường Định - Đức dài 3,1 km; đường Bình - Quảng Lưu - Quảng Thái dài 5,3 km; đường Quảng Phong đi Quảng Long dài 7,5 km; đường Quảng Ngọc đi Quảng Phúc dài 5,9 km; đường Tân - Trạch dài 2,7 km; đường Quảng Giao đi Quảng Đại dài 931 m; đường Nham - Thạch - Chính dài 4,5 km; đường Cầu Chào - Đầu Lâm dài 3,1 km; đường Tân - Định dài 4,74 km; đường Quảng Ninh đi Quảng Hợp (Cầu Lý) đi tỉnh lộ 504 dài 3,2 km: nâng cấp lên đạt đường cấp IV.

- Xây dựng mới đường từ Quảng Lĩnh (QL1A) đi Quảng Lợi (Tiên Trang) dài 3,4 Km; đường Thắng Phú (Quảng Ngọc) đi tỉnh lộ 504 (Quảng Văn) dài 3,2 Km; đường từ Quảng Thái đi Quảng Bình dài 5,3Km.

- *Đường giao thông nông thôn:* Tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng mới hệ thống giao thông nông thôn đạt tiêu chuẩn cấp V, cấp VI, nhựa hóa, bê tông hóa 100% đường xã.

- *Bến xe:* Xây dựng 02 bến xe khách loại 4 tại thị trấn Quảng Xương và xã Quảng Lợi, cùng với hệ thống bến đỗ tại các quốc lộ, tỉnh lộ.

### **3.2. Hạ tầng thủy lợi**

- *Thủy lợi:* Tiếp tục nâng cấp, xây dựng hệ thống đê điều, thủy lợi đồng bộ, vững chắc, đảm bảo chủ động trong công tác tưới; nâng cấp hệ thống đê các tuyến sông Yên, kiên cố hóa tuyến đê tả sông Yên, đoạn K34+200 đến K38+200, xã Quảng Nham; nạo vét sông Lý, kết hợp với chương trình chống lũ, ngập úng trên địa bàn toàn huyện.

- *Cấp thoát nước:* Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống cấp nước sạch các khu đô thị và các xã. Đến năm 2020, xây dựng 03 nhà máy nước 5000m<sup>3</sup>/ngày đêm tại các xã Quảng Văn, Quảng Lợi, Quảng Đức phục vụ nước sinh hoạt cho 03 vùng kinh tế của huyện. Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp, cụm làng nghề và khu dân cư.

### **3.3. Hạ tầng cấp điện**

Tiếp tục đầu tư nâng cấp lưới điện, đồng thời đổi mới công tác quản lý để đảm bảo điện cho sản xuất, kinh doanh và đời sống; xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp một số trạm biến áp khác theo quy hoạch đáp ứng nhu cầu cấp điện. Từ nay đến năm 2025, toàn huyện nâng cấp 120 trạm biến áp, bổ sung 80 trạm biến áp công suất 180 - 240 KVA.

### **3.4. Thông tin và truyền thông**

Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng truyền dẫn công nghệ cao và cáp quang trên địa bàn huyện. Đầu tư xây dựng và

hiện đại hoá bưu điện trung tâm huyện và nâng cấp, hiện đại hoá các điểm bưu điện văn hóa xã. Mở rộng, nâng cấp đường truyền tốc độ cao dịch vụ Internet ở các xã, từng bước phổ cập Internet.

#### **4. Phát triển không gian lãnh thổ**

##### **4.1. Phát triển đô thị**

Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, hình thành đô thị trung tâm hạt nhân tăng trưởng từng vùng trong huyện. Mở rộng thị trấn Quảng Xương lên 395 ha, với quy mô dân số 15.000 dân; là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của huyện có vai trò là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Quảng Xương và vùng lân cận. Xây dựng khu đô thị Bắc Ghép, Quảng Lợi (Tiên Trang) tiến tới phát triển thành đô thị loại IV, với quy mô diện tích khoảng 2.580ha, dân số 70.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 50.000 người. Xây dựng đô thị Cống Trúc 350 ha lên đô thị loại V, dân số 8.000 người, là đô thị dịch vụ thương mại tổng hợp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kết nối giữa trung tâm thị trấn với đô thị Bắc Ghép. Nghiên cứu quy hoạch và xây dựng một số khu đô thị: Đô thị Văn Trinh, đô thị Yên - Trạch.

##### **4.2. Phát triển các tiểu vùng**

- *Tiểu vùng 1 (vùng đồng):* Vùng đồng bao gồm 9 xã. Phát triển thành vùng trọng điểm về sản xuất nông nghiệp của huyện (lúa, cói, rau an toàn, thủy sản); phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề (da giày, may mặc, dệt cói, thêu ren...), du lịch nghỉ dưỡng (tắm nước khoáng nóng, tắm bùn).

- *Tiểu vùng 2 (theo trục QL 1A):* bao gồm Thị trấn Quảng Xương và các xã dọc quốc lộ 1A. Phát triển vùng thành trung tâm hành chính của huyện; đẩy mạnh việc mở rộng thị trấn, xây dựng khu đô thị Bắc Ghép, đô thị Cống Trúc và hoàn thiện cơ sở hạ tầng. Tập trung phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại tổng hợp, nông nghiệp an toàn và công nghệ cao, thủy sản, chăn nuôi đại gia súc.

- *Tiểu vùng 3 (vùng ven biển):* Bao gồm các xã ven biển và các xã ven đường tỉnh lộ 511(4A). Phát triển mạnh về dịch vụ du lịch, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, chế biến thủy sản; xây dựng khu sản xuất rau an toàn, với các sản phẩm xanh - sạch - an toàn cung cấp thực phẩm cho các khu du lịch, và các vùng lân cận (thành phố Thanh Hóa, khu kinh tế Nghi Sơn, thị xã Sầm Sơn).

##### **4.3. Xây dựng nông thôn mới**

Xây dựng cuộc sống dân cư nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, giữ gìn bản sắc văn hoá và môi trường sinh thái, nâng cao mức sống nhân dân trên cơ sở chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý, phát triển nhân lực và xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, chuyển mạnh sang sản xuất hàng hoá, cùng sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường. Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư, nhất là vốn đầu tư từ các chương trình mục tiêu kết hợp hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách các cấp để triển khai các dự án xây dựng nông thôn mới, đảm bảo mục tiêu 100% xã nông thôn mới vào năm 2025.

#### **5. Quốc phòng, an ninh**

Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng toàn dân; xây dựng lực lượng

vũ trang nhân dân ngày càng vững mạnh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc, chủ động phòng ngừa và đấu tranh đối với các thủ đoạn của các thế lực thù địch và các loại tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường xã hội ổn định phục vụ công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

## **6. Tài nguyên môi trường và biến đổi khí hậu**

Quản lý và tổ chức khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Củng cố năng lực các cơ sở thu gom - xử lý chất thải tại các đô thị, khu công nghiệp, khu tập trung dân cư. Huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai từ nay đến năm 2025 nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường và di sản văn hóa, góp phần quan trọng bảo đảm phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

## **V. Định hướng phát triển đến năm 2030**

### **1. Về phát triển kinh tế**

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở tiếp tục chuyển đổi các diện tích cây trồng kém hiệu quả, dồn điền đổi thửa tạo vùng sản xuất có quy mô lớn. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến đặc biệt là chế biến các sản phẩm thủy, hải sản; liên kết với khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp Thành phố Thanh Hóa, Khu CN Lam Sơn Sao Vàng tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ. Phát triển ngành du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng phát triển theo chiều sâu, đảm bảo chất lượng, hiệu quả; phát triển mạnh hệ thống hạ tầng thương mại nhằm đáp ứng nhu cầu người dân trong huyện và khách du lịch.

### **2. Về phát triển văn hóa - xã hội**

Phát triển hệ thống giáo dục phấn đấu đến năm 2030 có 100% các trường mầm non và phổ thông các cấp đạt chuẩn quốc gia (theo chuẩn từng giai đoạn); Hệ thống cơ sở y tế hiện đại, đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, 100% dân số được tiếp cận với các dịch vụ y tế bình đẳng và thuận lợi; Các giá trị văn hóa, lịch sử tiếp tục được bảo tồn và phát huy; hệ thống thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao được quan tâm đầu tư xây dựng, đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của nhân dân.

## **VI. Các dự án ưu tiên đầu tư (Có danh mục kèm theo).**

## **VII. Giải pháp thực hiện quy hoạch**

### **1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư**

Đẩy mạnh thu hút đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho phát triển; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; tổ chức và thực hiện tốt các cơ chế, chính sách ưu đãi trên địa bàn huyện.

### **2. Giải pháp về phát triển khoa học - công nghệ**

Ưu tiên phát triển các hoạt động chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ vào sản xuất. Thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích các

doanh nghiệp đầu tư ứng dụng thành tựu mới về khoa học và công nghệ để nâng cao chất lượng, tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

### **3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực.**

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động của trường Trung cấp nghề, các cơ sở dịch vụ việc làm trên địa bàn; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lực lượng lao động của huyện phù hợp với nhu cầu của địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh liên kết với các trung tâm đào tạo, dạy nghề của tỉnh để mở rộng quy mô và các hình thức đào tạo cho lực lượng lao động của huyện. Gắn đào tạo nghề với liên kết các doanh nghiệp và làng nghề thành mối liên kết nhà trường - doanh nghiệp - người học, để đảm bảo lao động qua đào tạo nghề sẽ có việc làm và đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp

### **4. Giải pháp cải cách hành chính và hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại**

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính để tạo môi trường thông thoáng, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của huyện; đây vừa là giải pháp vừa là khâu đột phá của huyện. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thị trường tiêu thụ sản phẩm, mở rộng áp dụng các hình thức xúc tiến thị trường hiện đại như marketing điện tử, khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở sản xuất xây dựng website quảng bá thương hiệu xúc tiến tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng thương hiệu cho một số hàng hoá và dịch vụ sản xuất trong huyện như chiếu Nga Khê, rượu Làng Bưởi, nước mắm Cự Nham,...

### **5. Giải pháp bảo vệ môi trường**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường; đầu tư kinh phí thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường, đặc biệt là vấn đề xử lý nước thải, chất thải ở các khu du lịch, khu đô thị và các cụm công nghiệp, cụm làng nghề. Xây dựng hệ thống xử lý rác thải bằng công nghệ tiên tiến; thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 2.** Giao UBND huyện Quảng Xương căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong quy hoạch được phê duyệt, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Thông báo rộng rãi Quy hoạch đến các ban, ngành, xã và nhân dân trên địa bàn huyện biết để thực hiện quy hoạch.

- Tiến hành rà soát quy hoạch và lập quy hoạch chi tiết đối với ngành và lĩnh vực quan trọng như quy hoạch xây dựng đô thị,... cho phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch đã được phê duyệt.

- Lập kế hoạch 5 năm và hàng năm, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập trung, ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư một cách hợp lý.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành, trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vượt thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực

để thực hiện quy hoạch.

**Điều 3.** Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- Hướng dẫn và giúp đỡ UBND huyện Quảng Xương nghiên cứu, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Điều 3 Quyết định này.

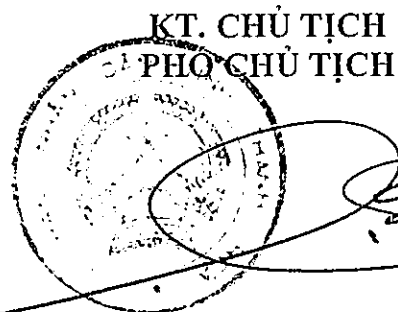
- Giúp đỡ UBND huyện Quảng Xương trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch; đồng thời kiểm tra việc thực hiện của huyện Quảng Xương.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 4 QĐ (để thực hiện);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.



Nguyễn Đức Quyền

**Phụ lục**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ HUYỆN QUẢNG XƯƠNG ĐẾN NĂM 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số: 262/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2017 của  
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>5.538.000</b>	
<b>I</b>	<b>CÔNG NGHIỆP</b>			<b>705.000</b>	
1	Dự án nhà máy chế biến thủy hải sản	CCN Nham Thạch	8.000 tấn/năm	100.000	2016-2025
2	Dự án khu sửa chữa đóng mới tàu thuyền	CCN Nham Thạch	08 ha	90.000	2020-2025
3	Dự án nhà máy may mặc	Xã Quảng Phong	2.000.000sp/năm	60.000	2016-2020
4	Dự án nhà máy sản xuất giấy da	Xã Quảng Phong	1.500.000 sp/năm	60.000	2016-2020
5	Dự án nhà máy sản xuất đá lạnh	CCN Nham Thạch	5.000 tấn/năm	45.000	2016-2020
6	Dự án nhà máy sản xuất đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ	CCN Tiên Trang		60.000	2016-2020
7	Dự án cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt	CCN Nham Thạch	5000 tấn/năm	70.000	2016-2020
8	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng CCN Nham Thạch	Xã Quảng Nham, Quảng Thạch	50ha	150.000	2016-2020
9	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng CCN Tiên Trang	Xã Quảng Lợi	34ha	70.000	2016-2020
<b>II</b>	<b>NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN</b>			<b>1.130.000</b>	
1	Dự án hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản	Khu Bắc ghép	140 ha	45.000	2016-2020
2	Dự án hạ tầng vùng sản xuất cói	Xã Quảng vọng, Quảng Trường, Quảng Phúc, Quảng Khê	1.100 ha	90.000	2016-2020
3	Dự án xây dựng hạ tầng vùng lúa chất lượng cao	Các xã vùng Đồng	2.000 ha	45.000	2016-2020
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất rau an toàn	Các xã tiêu vùng ven biển, vùng dọc QL 1	150 ha	20.000	2016-2025
6	Dự án vùng chăn nuôi tập trung	Các xã trong huyện	04 khu (15ha)	35.000	2016-2020
7	Dự án nâng cấp cải tạo hệ thống kênh cấp II, III, trạm bơm tưới tiêu.	Các xã trong huyện	Tăng diện tích tưới tiêu lên 1.000 ha	50.000	2016-2025
9	Dự án nạo vét hệ thống sông lý			500.000	2016-2020

Số TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn
10	Dự án xây dựng hạ tầng thiết yếu các xã nông thôn mới	Các xã trong huyện	29 xã	345.000	2016-2020
<b>III</b>	<b>THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ</b>			<b>848.000</b>	
1	Dự án xây dựng nâng cấp hệ thống chợ	Các chợ thuộc các xã, thị trấn trong huyện	29 xã, 01 thị trấn	30.000	2016-2020
2	Dự án xây dựng các khu trung tâm thương mại tại các đô thị trong huyện	Tại các đô thị: Thị trấn Quảng Xương, Bắc Ghép, Tiên Trang, Công Trúc	04 đô thị lớn	40.000	2016-2025
3	Dự án xây dựng các khu du lịch ven biển	Các xã ven biển	480 ha	300.000	2016-2025
4	Dự án hệ thống khách sạn 3-4 sao tại các khu du lịch	Các Khu du lịch tại các xã ven biển	5 khách sạn	150.000	2016-2025
5	Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm cói, rượu,...			3.000	2016-2020
<b>IV</b>	<b>GIÁO DỤC, Y TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>			<b>375.000</b>	
1	Dự án xây mới, nâng cấp, cải tạo nâng cấp phòng học	Các cấp trường trong huyện	500 phòng	200.000	2016-2025
2	Dự án nâng cấp, cải tạo các trạm y tế	Các xã, thị trấn	10 trạm y tế	50.000	2016-2025
3	Dự án nâng cấp cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện	TT. Quảng Xương		20.000	2016-2025
4	Dự án nâng cấp, xây dựng các nhà văn hóa-thông tin xã	Các xã trong huyện	12 xã	50.000	2016-2025
5	Xây dựng, tôn tạo các khu di tích lịch sử văn hóa	Các di tích lịch sử đã xếp hạng		40.000	2016-2025
6	Dự án xây dựng nhà thi đấu	Thị trấn Quảng Xương	Hạng mục còn lại	20.000	2016-2020
7	Dự án xây dựng bể bơi huyện	Thị trấn Quảng Xương		15.000	2016-2020
<b>V</b>	<b>MÔI TRƯỜNG</b>			<b>150.000</b>	
1	Dự án xây dựng các khu xử lý rác thải, chất thải nguy hại	Tại 4 xã		120.000	2016-2020
2	Dự án xây dựng khu thu gom rác thải các xã	Các xã, thị trấn	29 xã, 01 thị trấn	30.000	2016-2020
<b>VI</b>	<b>ĐÔ THỊ</b>			<b>1.030.000</b>	
1	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị Bắc Ghép	Đô thị trung tâm vùng	Giai đoạn 1	400.000	2016-2025

Số TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Vốn đầu tư (triệu đồng)	Giai đoạn
2	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị Tiên Trang	Đô thị trung tâm vùng	Giai đoạn 2	200.000	2016-2025
3	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị mở rộng thị trấn Quảng Xương	Đô thị trung tâm vùng	Giai đoạn 2	100.000	2016-2025
4	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị Công Trứ	Đô thị trung tâm vùng	Giai đoạn 1	200.000	2016-2025
5	Dự án quy hoạch đô thị Văn Trinh	Đô thị trung tâm vùng		80.000	2020-2025
6	Dự án quy hoạch đô thị Yên-Trạch	Đô thị trung tâm vùng		50.000	2020-2025
<b>VII</b>	<b>GIAO THÔNG - CẤP ĐIỆN - CẤP NƯỚC</b>			<b>1.300.000</b>	
1	Dự án xây mới, nâng cấp đường huyện	Trong huyện	50 km	300.000	2016-2025
2	Dự án xây mới, nâng cấp đường cấp xã	Các xã trong huyện	200 km	300.000	2016-2025
3	Dự án xây dựng, nâng cấp mạng lưới điện 110KV, 35KV	Các xã, thị trấn trong huyện		300.000	2016-2025
4	Dự án cấp nước sạch nông thôn 3 vùng	Các xã trong huyện		400.000	2016-2025